

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ T  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 6- 2022

*“V/v ly hôn giữa  
bà L và ông S”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Huỳnh Văn Sức.

Bà Nguyễn Thúy Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2021/TLST - HNGĐ ngày 06/04/2021 về tranh chấp *“Ly hôn, chia tài sản chung và nuôi con khi ly hôn”*

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Đặng Thị L, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 93, tổ 4, ấp Hưng L, xã Đào Hữu C, huyện Châu Ph, tỉnh An Giang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Lại Văn G, Luật sư thuộc công ty Luật TNHH MTV Tấn Thành, Đoàn luật sư tỉnh An Giang có địa chỉ số 32, đường Bạch Đằng, phường Mỹ , thành phố Long X, tỉnh An Giang.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1988.

**-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Lê Thị Y, sinh năm 1949.

Cùng trú tại: Tổ 4, ấp Bình Tây 1, xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Bà L, ông S và ông Giang có mặt, bà Y vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn xin ly hôn ngày 05/4/2021, quá trình tố tụng nguyên đơn Bà Đặng Thị L trình bày:*

Hôn nhân của bà L và ông S do mai mối rồi thành vợ chồng được hai bên gia đình tác hợp tổ chức lễ cưới năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 127 ngày 06 tháng 8 năm 2015. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và cách sống không phù hợp, ông S không quan tâm chăm sóc vợ con, tiền làm ra bao nhiêu cũng tiêu xài cá nhân, vợ chồng vì thế hay cãi nhau, tình cảm dần phai nhạt. Năm 2019 bà L bỏ về nhà cha mẹ để sống, vợ chồng ly thân, trong thời gian ly thân, ông S không tới lui thăm hỏi hay có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay tình cảm không còn, bà L yêu cầu ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà L, ông S có 02 con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 27/03/2012, Nguyễn Thùy D, sinh ngày 30/11/2015 các con chung hiện đang sống với bà L, khi ly hôn bà L yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng

Về tài sản chung: Vợ chồng có đứng tên 01 quyền sử dụng đất với diện tích khoảng 900m<sup>2</sup>, trị giá khoảng 200.000.000đồng, khi ly hôn yêu cầu chia đôi tài sản chung.

*Tại phiên Tòa nguyên đơn Bà Đặng Thị L chỉ yêu cầu được nuôi hai con chung, nếu Tòa án giao con cho bà L nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng cho con. Tài sản chung bà L, ông S đã thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về chi phí tố tụng như đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá bà L tự nguyện chịu, không yêu cầu ông S hoàn lại.*

Nợ phải thu, phải trả chung của vợ chồng: Không.

*Bị đơn Ông Nguyễn Thanh S trình bày:*

Ông S thống nhất phần trình bày của bà L về thời gian kết hôn, ly thân, quá trình chung sống. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn phù hợp, nay bà L yêu cầu ly hôn, ông S đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 27/03/2012, Nguyễn Thùy D, sinh ngày 30/11/2015 con chung từ trước đến nay sống chung với ông S nhưng từ ngày 23/12/2020(al) bà L ra mượn con nói để đi sắm đồ tết cho con rồi đem con về Châu Ph từ đó cho đến nay. Nếu ly hôn ông S yêu cầu được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng cho con. Hiện tại tôi đang làm thuê cho anh ruột tại Long An lương tháng khoảng 15 triệu, đủ nuôi con.

Tài sản chung: Vợ chồng đã thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*Biên bản lấy lời khai, quá trình tố tụng ông Nguyễn Thanh X trình bày:* Ngày 01/01/2017 tôi Nguyễn Thanh X có mua diện tích đất là 1.146,3m<sup>2</sup> của ông Võ Văn Tiếp tại thửa đất số 29, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tổ 4, ấp Bình Tây 1, xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An Giang, lúc đó vì không đủ tiền mua nên có kêu bà Lê Thị Y mua lại 900m<sup>2</sup> đất với giá là 100.000.000đồng, ông X là người trực tiếp bán đất cho bà Y, bà Y đã trả đủ tiền và hai bên có làm giấy tay mua bán cùng ngày 01/01/2017.

Việc ai được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 900m<sup>2</sup> thì ông X không biết. Trên đất tranh chấp hiện tại có một căn nhà của ông X, nếu Tòa án giao đất cho ai thì ông X sẽ di dời nhà trả lại đất cho người đó.

Nội dung tờ thỏa thuận là do ông X ghi, bà Y đã giao đủ tiền, sau khi ký tên trong tờ thỏa thuận tại nhà ông X, thì ông đem tờ thỏa thuận nhờ trưởng ấp ông Nguyễn Văn H xác nhận vào. Ông X đã trình bày ý kiến cho Tòa án xem xét, xin được vắng mặt trong các lần Tòa án mời làm việc, công bố chứng cứ cho đến khi vụ án được xét xử xong.

*Biên bản lấy lời khai ngày 12/5/2021, quá trình tố tụng bà Lê Thị Y trình bày:* Diện tích đất 900m<sup>2</sup> của ông Nguyễn Thanh X có địa chỉ ấp Bình Tây I, xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An Giang, bà Y mua vào năm 2017 với giá là 100.000.000đồng, vợ chồng L, S là con út trong gia đình nên bà Y có nhờ L, S đứng tên dùm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nếu bà L, ông S ly hôn thì trả lại đất cho bà, số tiền 100.000.000đồng là tiền bà Y dành dụm mà có.

Ngày 25/02/2022 bà Lê Thị Y có đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà L, ông S do phần tài sản chung đã thỏa thuận xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bà lớn tuổi, việc đi lại gặp nhiều khó khăn xin được vắng mặt trong các lần Tòa án mời làm việc, công bố chứng cứ cho đến khi vụ án được xét xử xong.

*Người làm chứng ông Nguyễn Văn H trình bày:* Năm 2017 ông giữ chức vụ trưởng ấp Bình Tây 1, xã Phú B. Theo tờ mua bán đất thổ cư ngày 01/01/2017 giữa ông Nguyễn Thanh X, bà Lê Thị Y là ông có biết, ông X mua đất nhưng không đủ tiền nên có kêu bà Y hùn tiền mua chung số tiền là 130.000.000đồng, trong đó ông X là 30 triệu, bà Y là 100 triệu. Về diện tích đất mua bán và nguồn tiền từ đâu mà có thì Ông H không biết. Ông H không chứng kiến việc mua bán và giao nhận tiền của hai bên, tờ thỏa thuận mua bán đất ngày 01/01/2017 hai bên đã ký tên trước và đem lại ấp nhờ Ông H xác nhận vào ngày 02/01/2017. Ông H cho biết thêm trong thời gian bà L, ông S chung sống thì bà L có gây nợ nần và bỏ địa phương đi một thời gian.

*Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ* theo biên bản xác minh ngày 09/05/2022 tại trường tiểu học A Đào Hữu C, huyện Châu Ph thì được ông Đoàn Văn Khuyên - Hiệu trưởng trường cho biết:

Cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 27/3/2012 hiện đang học lớp 4D và cháu Nguyễn Thùy D, sinh ngày 30/11/2015 hiện đang học lớp 1B, hai cháu hiện học tại trường tiểu học A Đào Hữu C có mẹ là Bà Đặng Thị L.

Biên bản xác minh ngày 06/5/2022 tại văn phòng ấp Hưng L, xã Đào Hữu C, huyện Châu Ph, tỉnh An Giang thì được bà Phạm Thị Loan, trưởng ấp cho biết: Bà Đặng Thị L hiện đang sinh sống cùng gia đình cha mẹ ruột tại ấp Hưng Lợi, hiện tại bà L đi làm tại Bình Dương, còn làm nghề gì và thu thập bao nhiêu một tháng thì không rõ, hoàn cảnh gia đình và điều kiện kinh tế của gia đình bà L thuộc diện khá giả tại địa phương, cha mẹ đẻ bà L thì canh tác đất ruộng. Hai cháu Nguyễn Hải Đ và Nguyễn Thùy D hiện sống cùng gia đình cha mẹ đẻ của bà L và đang đi học tại trường tiểu học A Đào Hữu C.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn luật sư Lại Văn G phát biểu quan điểm:*

*Về tố tụng:* Quá trình Tòa án giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa đã đảm bảo đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Tại phiên tòa, cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất về hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ phải thu phải trả chung nên đã thuận tình ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Vì vậy, đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của bà L và ông S, không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Riêng về con chung, cả hai đều thống nhất có hai con chung tên Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 27/3/2012 và Nguyễn Thùy D, sinh ngày 30/11/2015 và đều có yêu cầu được quyền nuôi con sau khi ly hôn.

Nhận thấy, tại bản tự khai ngày 05/4/2021 cháu Hải Đ có nguyện vọng được sống chung với mẹ Bà Đặng Thị L, cháu Thùy D hiện tại đang sống với bà L, cháu lại là nữ đang hình thành và hoàn thiện về nhân cách sống cũng như giới tính, thiết nghĩ nên giao cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Bà L không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Từ những phân tích trên đề nghị hội đồng xét xử xem xét.

*Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng và đề xuất như sau:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố

tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Hôn nhân của bà L và ông S được xác lập trên cơ sở mai mối, hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ly thân thời gian dài không hàn gắn được. Bà L yêu cầu ly hôn, ông S đồng ý ly hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn Bà Đặng Thị L và bị đơn Ông Nguyễn Thanh S.

Về con chung: Ông S, bà L xác định vợ chồng có hai con chung Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 27/3/2012 và Nguyễn Thùy D, sinh ngày 30/11/2015, bà L và ông S đều có nguyện vọng nuôi con, hai con chung đang sống với bà L, tại bản khai ngày 05/4/2021 con chung Hải Đ có nguyện vọng sống chung với mẹ Bà Đặng Thị L, cháu Thùy D hiện tại chưa đủ 07 tuổi nhưng cháu là nữ đang hình thành, phát triển hoàn thiện về nhân cách cũng như giới tính, ông S, bà L và gia đình đều thuộc diện khá giả tại địa phương nhưng hiện tại ông, bà đều phải đi làm xa, các con vẫn phải gửi cho ông, bà nuôi dưỡng, hai con chung đang sống gần gũi quấn quýt bên nhau, nếu giao một trong hai con cho ông S nuôi dưỡng, điều đó sẽ làm thay đổi môi trường sống cũng như tâm lý của hai cháu. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận; Nợ chung: Không.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chia tài sản chung và nuôi con khi ly hôn với ông S nên quan hệ tranh chấp của vụ án là *“Ly hôn, chia tài sản chung và nuôi con khi ly hôn”* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Ông S với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại ấp Bình Tây 1, xã Phú B, huyện Phú T, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Phần tài sản chung Bà Đặng Thị L, Ông Nguyễn Thanh S, bà Lê Thị Y đã thỏa thuận xong nên không cần thiết đưa ông Nguyễn Thanh X tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên Tòa nguyên đơn Bà Đặng Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Y rút lại yêu cầu chia tài sản chung việc rút yêu cầu này là

tự nguyện do đó Hội đồng xét xử đình chỉ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Các chi phí tố tụng như đo đạc, định giá và xem xét thẩm định tại chỗ bà L tự nguyện chịu, không yêu cầu ông S hoàn lại.

[2.] Về nội dung:

Hôn nhân của bà L và ông S được xác lập năm 2011, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà L yêu cầu ly hôn, ông S đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà L và ông S, điều này phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà L và ông S thống nhất vợ chồng có hai con chung Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 27/03/2012, Nguyễn Thùy D, sinh ngày 30/11/2015 con chung chưa thành niên nhưng tại bản tự khai ngày 05/4/2021 cháu Hải Đ có nguyện vọng sống với mẹ, nghĩ nên tiếp tục giao cháu Hải Đ cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp nguyện vọng của con.

*Xét về yêu cầu nuôi con chung cháu Nguyễn Thùy D, thấy rằng:*

Bà Đặng Thị L hiện tại làm thầu cho công trình tư nhân, tổng thu nhập hàng tháng khoảng 50 triệu, do bà làm cho tư nhân nên không có hợp đồng lao động hay bất cứ chứng từ gì chứng minh thu nhập nhưng hai con chung hiện tại đang sống với bà L, bà L vẫn đảm bảo cho con ăn học, chăm sóc chu đáo về mặt thể chất, đặc biệt cháu Thùy D lại là nữ rất cần sự chăm sóc, giáo dục từ người mẹ, vì vậy bà L yêu cầu được nuôi con chung Thùy D, nếu Tòa án giao con cho bà nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng cho con

Ông S thì xác định hiện tại ông đang làm thuê cho anh ruột tại công ty TNHH nguyên liệu gia súc An Việt Phát tại tỉnh Long An với mức thu nhập 15.000.000đồng/tháng, lời trình bày của ông S phù hợp với hợp đồng lao động ngày 19/04/2022 được ký kết giữa công ty TNHH nguyên liệu gia súc An Việt Phát, điều đó đồng nghĩa ông S cũng có đầy đủ khả năng và điều kiện về kinh tế để đảm bảo vật chất cũng như chăm lo tương lai sau này cho các con chung nên cũng có yêu cầu Tòa án xem xét giao con chung Thùy D hoặc Hải Đ cho ông được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ông không yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Như vậy, căn cứ lời trình bày của hai bên đương sự cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều thể hiện cả bà L lẫn ông S về điều kiện kinh tế đều đủ khả năng để đảm bảo đời sống vật chất cho các con chung và người nào cũng đều yêu cầu được giao quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Do đó, việc xác định phải giao cháu Thùy D cho ai nuôi dưỡng cần

phải xem xét thêm về điều kiện tinh thần cũng như các điều kiện khác mang tính hợp lý.

Theo kết quả xác minh và các tài liệu, chứng cứ khác cho thấy cháu Thùy D, Hải Đ hiện đang sống chung với ông, bà ngoại và bà L, gia đình bà L thuộc diện khá giả tại địa phương, điều kiện nuôi con, việc chăm sóc, dạy dỗ, học tập của cháu Thùy D và Hải Đ hiện tại thì bà L thực hiện tốt; có khả năng đảm bảo cuộc sống bình thường của hai cháu như bao trẻ khác ở địa phương. Cháu Hải Đ, Thùy D đang sống chung cùng nhau và cùng được học tập tại trường tiểu học A Đào Hữu C vì thế nếu thay đổi về người trực tiếp nuôi con, thay đổi nơi sinh sống sẽ gây ảnh hưởng tâm lý, điều kiện học tập của các cháu. Ngoài ra Thùy D là nữ nên việc gần gũi, chăm sóc cho cháu thì người mẹ có nhiều thuận lợi hơn so với cha. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Thùy D cho Bà Đặng Thị L tiếp tục nuôi dưỡng, điều này hoàn toàn phù hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

*“Vợ chồng thỏa, thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con...”*

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng cho con do bà L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết; tuy nhiên, vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng. Chi xem xét thẩm định, tại chỗ và định giá 2.000.000đồng, chi phí đo đạc là 1.102.200đồng, tổng cộng là 3.102.200đồng nguyên đơn Bà Đặng Thị L tự nguyện chịu, không yêu cầu Ông Nguyễn Thanh S hoàn lại.

*Vì các lẽ trên;*

#### QUYẾT ĐỊNH:

##### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 55; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 116; 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Y về yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất diện tích 900m<sup>2</sup>.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Đặng Thị L.

3. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bà Đặng Thị L và Ông Nguyễn Thanh S.

4. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 27/3/2012 và Nguyễn Thùy D, sinh ngày 30/11/2015 cho Bà Đặng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Con chung Hải Đ và Thùy D đang sống chung với bà L. Ông Nguyễn Thanh S không phải cấp dưỡng cho con.

Việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chưa thành niên không cố định

Sau khi ly hôn, bà L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

4. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung, diện tích đất 900m<sup>2</sup> của nguyên đơn Bà Đặng Thị L

5. Nợ phải thu, phải trả chung của vợ chồng: Không.

6. Về án phí: Bà Đặng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.800.000đồng theo biên lai thu tiền số 0001990 ngày 05/4/2021. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú T, tỉnh An Giang hoàn lại cho bà L 2.500.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Nguyễn Thanh S không phải chịu án phí.

Bà Lê Thị Y là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 nên bà Y không phải chịu án phí.

Ông S, bà L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- [UBND xã Phú B](#);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú T;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Ngọc Thảo**